

Số: 88/2022/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần G-Automobile

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021;
- Căn cứ Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2022
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần G-Automobile;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 88/2022/BB-HĐQT ngày 28/11/2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần G-Automobile kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28/11/2022. Kể từ ngày Quy chế công bố thông tin này có hiệu lực, Quy trình công bố thông tin nội bộ của Công ty cổ phần G-Automobile ban hành ngày 20/05/2020 hết hiệu lực.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các trưởng phòng/ban và các bộ phận, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP.



**Tổng Thị Thu Huyền**



# **CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE**

## **QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Hà Nội, Tháng 11/2022

# MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	3
Điều 1. Căn cứ pháp lý .....	3
Điều 2. Mục đích của quy chế .....	3
Điều 3. Phạm vi áp dụng và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 4. Giải thích thuật ngữ và từ ngữ viết tắt .....	4
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin .....	5
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin .....	6
Điều 7. Người thực hiện công bố thông tin của Công ty .....	7
<b>CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	8
Điều 8. Quy trình công bố thông tin .....	8
Điều 9. Các nội dung công bố thông tin .....	9
Điều 10. Trách nhiệm phối hợp giữa người thực hiện công bố thông tin và các phòng ban khác .....	10
Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin .....	11
Điều 12. Hiệu lực .....	11
<b>PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	12
<b>PHỤ LỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ</b> .....	12
<b>PHỤ LỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b> .....	17
<b>PHỤ LỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC</b> .....	22
<b>PHỤ LỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY</b> .....	25

# QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE

Ban hành kèm theo Quyết định số 88/2022/NQ-HĐQT ngày 28/11/2022 của Hội đồng quản trị  
Công ty cổ phần G-Automobile

## CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;
- Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021;
- Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2022;
- Điều lệ Công ty cổ phần G-Automobile;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần G-Automobile.

Nếu có sự mâu thuẫn giữa các quy định trong Quy chế này và các quy định của pháp luật (được sửa đổi theo từng thời kỳ) thì các quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty cổ phần G-Automobile chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định mới đương nhiên được áp dụng.

### Điều 2. Mục đích của quy chế

Quy chế này quy định chi tiết trình tự thực hiện công bố thông tin của Công ty cổ phần G-Automobile ("**Công ty**") trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam, đảm bảo việc thực hiện nghiệp vụ một cách đồng bộ, chính xác, tuân thủ đúng quy trình, quy định của pháp luật cho bộ phận liên quan trong Công ty, nhà đầu tư và các đối tượng liên quan khác.

### Điều 3. Phạm vi áp dụng và đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế công bố thông tin do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần G-Automobile ban hành là cơ sở thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty, của các phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác có liên quan với cổ đông, nhà đầu tư và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. *x*

2. Đối tượng áp dụng
  - a. Công ty cổ phần G-Automobile (mô hình Công ty mẹ);
  - b. Các phòng ban, đơn vị có liên quan của Công ty;
  - c. Người nội bộ;
  - d. Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
  - e. Cá nhân, tổ chức thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

*Lưu ý: Đối với người có liên quan đến người nội bộ và nhóm người có liên quan đến cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo pháp luật liên quan, trong đó có nghĩa vụ công bố thông tin với Công ty.*

#### **Điều 4. Giải thích thuật ngữ và từ ngữ viết tắt**

1. Giải thích thuật ngữ
  - a. Đối tượng công bố thông tin: Là cá nhân/tổ chức thuộc các nhóm có nghĩa vụ công bố thông tin như sau:
    - Người nội bộ của Công ty và người có liên quan đến người nội bộ;
    - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
    - Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty;
    - Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
    - Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
    - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
  - b. Người nội bộ gồm:
    - Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.
    - Ban Kiểm soát bao gồm Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.
    - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ.
    - Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;
    - Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
    - Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính và các chức danh quản lý tương đương khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
    - Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.
  - c. Người liên quan: Là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau
    - Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp.
    - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
    - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng một tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát.

- Cá nhân và bố, mẹ đẻ/bố, mẹ nuôi; bố mẹ chồng; bố mẹ vợ; vợ/chồng; con đẻ; con nuôi; con dâu/rẻ; anh chị em ruột; anh/em rể; chị/em dâu.
  - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.
  - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- d. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.
- e. Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
- f. Tài liệu dưới hình thức văn bản giấy là văn bản có đầy đủ nội dung công bố thông tin hợp lệ theo quy định; là bản chính hoặc bản sao hợp lệ có xác nhận như sau:
  - Đối với văn bản giấy của cá nhân: Có họ tên và chữ ký của cá nhân
  - Đối với văn bản giấy của tổ chức: Có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm họ tên, chức vụ, chữ ký, đóng dấu
- g. Tài liệu dưới hình thức văn bản điện tử, dữ liệu điện tử có định dạng word/execl/pdf (sử dụng bảng mã Unicode)
- h. Người thực hiện công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin.
2. Từ ngữ viết tắt
- HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần G-Automobile
  - BTGD: Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần G-Automobile
  - UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  - SGDCCKHN: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
  - VSD: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
  - Công ty: Công ty cổ phần G-Automobile
  - CBTT: Công bố thông tin
  - ĐHHĐCD: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần G-Automobile
  - DSCĐ: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần G-Automobile

#### **Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải được tổ chức, thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật, của Công ty.
2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ các nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCCKHN và Công ty (trong một số trường hợp), về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin quy định. Với một số thông tin cá nhân mà đối tượng công bố thông tin không muốn công khai (Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2020/TT-BTC) thì phải

cung cấp cho UBCKNN, SGDCKHN, Công ty 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN, SGDCKHN, Công ty thực hiện công khai thông tin.

4. Nếu thông tin/sự kiện cần công bố phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ thì các đối tượng có nghĩa vụ công bố thông tin thực hiện việc công bố thông tin theo quy định vào ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ, ngày lễ (trừ một số đối tượng thuộc quy định tại khoản 3,4 Điều 7 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC).
5. Trong trường hợp bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền... không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố điện tử như đã đăng ký, thì các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại UBCKNN, SGDCKHN đồng thời gửi dữ liệu điện tử cần công bố thông tin qua thư điện tử đúng quy định và thông báo ngay cho UBCKNN, SGDCKHN về trường hợp bất khả kháng trên để UBCKNN, SGDCKHN hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).
6. Trường hợp tạm hoãn công bố thông tin khi xảy ra những lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo với UBCKNN, SGDCKHN, Công ty về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện và lý do của việc tạm hoãn. Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định.
7. Thông tin được công bố bằng tiếng Việt và được lưu trữ, bảo quản tại Công ty dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm đối với thông tin công bố định kỳ, tối thiểu 05 năm đối với thông tin công bố bất thường và theo yêu cầu khác. Các thông tin được công bố phải lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử (website) tối thiểu 05 năm.

#### **Điều 6. Phương tiện công bố thông tin**

Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của các cơ quan/tổ chức tiếp nhận phải thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan/tổ chức đó.

<b>STT</b>	<b>CƠ QUAN/TỔ CHỨC TIẾP NHẬN CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	<b>PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ( <a href="http://www.ids.ssc.gov.vn">www.ids.ssc.gov.vn</a> )
2	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ( <a href="http://www.cims.hnx.vn">www.cims.hnx.vn</a> )
3	Công ty	Trang thông tin điện tử của Công ty chuyên mục Quan hệ cổ đông ( <a href="http://www.g-automobile.vn">www.g-automobile.vn</a> )



STT	CƠ QUAN/TỔ CHỨC TIẾP NHẬN CÔNG BỐ THÔNG TIN	PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
4	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ( <a href="http://www.vsd.vn">www.vsd.vn</a> )
5	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật trong một số trường hợp	Báo in, Báo điện tử...

**Lưu ý:**

- Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào của địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty thì Công ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCKHN trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi.
- Trang thông tin điện tử của Công ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin và đảm bảo nhà đầu tư/cổ đông có thể truy cập và lấy thông tin dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

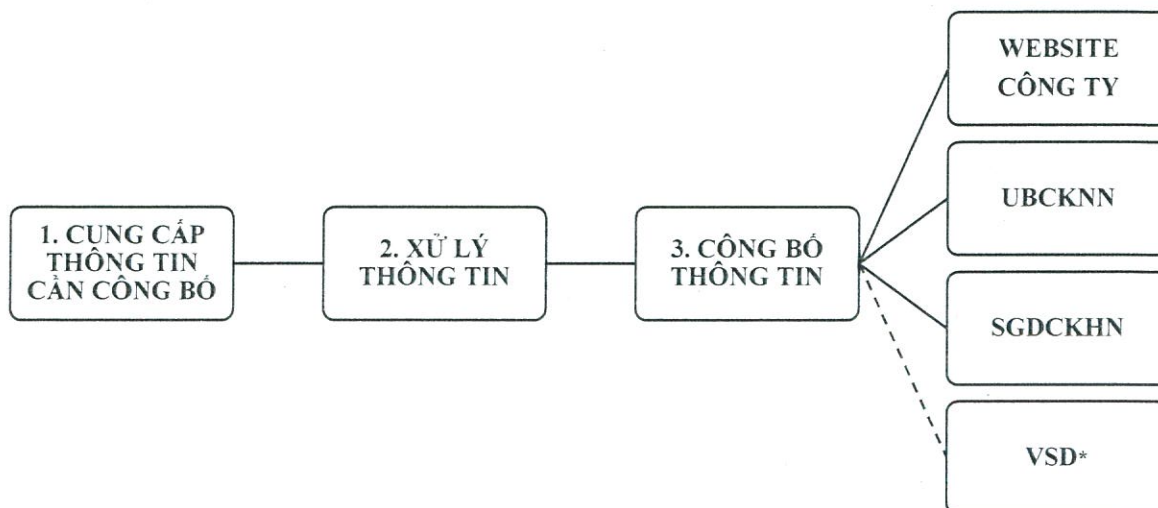
**Điều 7. Người thực hiện công bố thông tin của Công ty**

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.
3. Công ty phải báo cáo hoặc báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN, SGDCKHN trong thời hạn 24h kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin thực hiện theo quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
4. Người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản đăng ký công bố thông tin bao gồm tên truy cập, mật khẩu và các thông tin/công cụ cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện công bố thông tin.
5. Người thực hiện công bố thông tin khi thực hiện cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng khác như: bài viết, trả lời phỏng vấn, hình thức khác ...liên quan đến nội dung công bố thông tin của Công ty phải được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. *x*

## CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 8. Các bước công bố thông tin

#### 1. Công ty



(- - -)\* Công bố thông tin trong một số trường hợp

#### Diễn giải

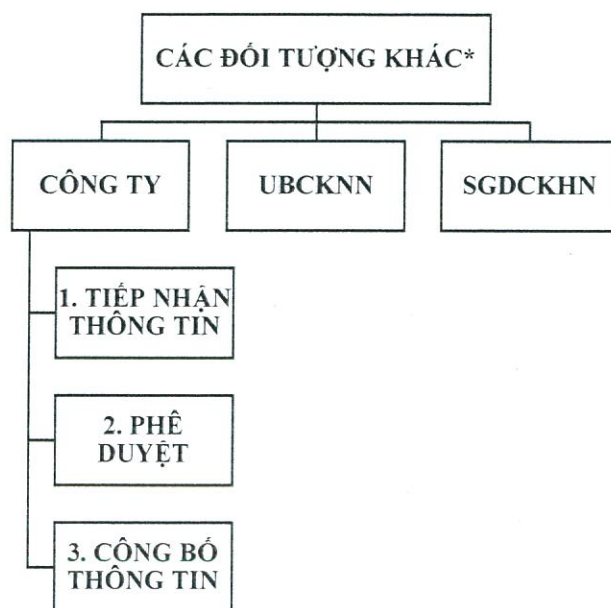
Các bước công bố thông tin của Công ty được thực hiện như sau:

**Bước 1:** Các phòng ban liên quan khi có sự kiện/thông tin phát sinh cần công bố lập tức gửi thông tin đến Người thực hiện công bố thông tin theo quy định về thời gian cho từng loại thông tin cần công bố của Quy chế này (Theo Phụ lục 01 và 02 của Quy chế).

**Bước 2:** Người thực hiện công bố thông tin nhận thông tin từ các phòng ban liên quan sẽ kiểm tra thông tin được cung cấp, rà soát với các quy định công bố thông tin và soạn thảo các văn bản liên quan theo quy định.

**Bước 3:** Người thực hiện công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định về nội dung và thời gian cho từng loại thông tin cần công bố trên website Công ty, công bố thông tin của UBCKNN và công bố thông tin của SGDCKHN đồng thời lưu trữ dữ liệu điện tử đã công bố trên hệ thống lưu trữ dữ liệu của Công ty và bản giấy trong hồ sơ công bố thông tin của Công ty.

## 2. Các đối tượng khác



(\*) Các đối tượng khác là đối tượng quy định tại điểm c,d,e khoản 2 Điều 3 của Quy chế này.

### Diễn giải

Các bước công bố thông tin của Các đối tượng khác được thực hiện như sau:

**Bước 1:** Các đối tượng khác cần công bố thông tin gửi văn bản tới Công ty, UBCKNN và SGDCKHN theo quy định về nội dung và thời hạn của Quy chế này và các văn bản pháp lý liên quan (Theo Phụ lục 03, 04 của Quy chế).

**Bước 2:** Người thực hiện công bố thông tin nhận văn bản của Các đối tượng khác, kiểm tra thông tin được cung cấp, đối chiếu với các quy định công bố thông tin và soạn thảo các văn bản liên quan theo quy định trình Tổng Giám đốc phê duyệt (nếu cần).

**Bước 3:** Tổng Giám đốc phê duyệt nội dung do Người thực hiện công bố thông tin trình. Sau khi văn bản công bố thông tin được phê duyệt, Người thực hiện công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định về nội dung và thời gian cho từng loại thông tin cần công bố trên website Công ty đồng thời lưu trữ dữ liệu điện tử đã công bố trên hệ thống lưu trữ dữ liệu của Công ty và bản giấy trong hồ sơ công bố thông tin của Công ty.

## Điều 9. Các nội dung công bố thông tin

### 1. Công bố thông tin định kỳ

Thực hiện theo Phụ lục số 01 của Quy chế này.

### 2. Công bố thông tin bất thường

Thực hiện theo Phụ lục số 02 của Quy chế này.

### 3. Công bố thông tin của các đối tượng khác

Thực hiện theo Phụ lục số 03 của Quy chế này. *e*

#### **4. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai cổ phiếu của Công ty**

Thực hiện theo Phụ lục số 04 của Quy chế này

#### **5. Công bố thông tin theo yêu cầu**

Công ty phải thực hiện công bố thông tin trong thời hạn 24h kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCKHN khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

- a, Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
- b, Các thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo các phòng ban/cá nhân liên quan đến việc giải trình các thông tin theo yêu cầu. Người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm rà soát các văn bản cần công bố thông tin theo yêu cầu và thực hiện công bố theo quy trình của khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

#### **6. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty**

- a, Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành và báo cáo sử dụng vốn.

Khi Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết chứng khoán thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết chứng khoán.

- b, Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCKHN, VSD và UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

- c, Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

### **CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Trách nhiệm phối hợp giữa người thực hiện công bố thông tin và các phòng ban khác**

1. Người thực hiện công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. *ℓ*

2. Người thực hiện công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đơn đốc, tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.
3. Đối với những thông tin bất thường, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 12h kể từ khi phát sinh sự kiện. Đối với những thông tin theo yêu cầu, tùy vào từng trường hợp cụ thể, các phòng ban/cá nhân liên quan phải đảm bảo cung cấp thông tin cho Người thực hiện công bố thông tin trong thời gian sớm nhất có thể và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc.
4. Người thực hiện công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo với Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc kết quả thực hiện.

#### Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình.
2. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế này.

#### Điều 12. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 Điều và 04 Phụ lục được Hội đồng quản trị thông qua ngày 28/11/2022. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét thông qua và Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt HĐQT ký ban hành.
2. Người thực hiện công bố thông tin, các phòng ban và các cá nhân, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. *K*

CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *g*

CHỦ TỊCH



Tổng Thị Thu Huyền

**PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**PHỤ LỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

STT	NỘI DUNG	CÁ NHÂN/PHÒNG BAN CUNG CẤP	THỜI HẠN CUNG CẤP	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
I	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>				
I	Báo cáo tài chính quý	Kế toán trưởng			
	<p>Trưởng hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực tiếp thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tài chính quý công ty mẹ</li> <li>- Báo cáo tài chính hợp nhất quý</li> </ul>		Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
2	Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét				
	<p>Trưởng hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực tiếp thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tài chính bán niên công ty mẹ đã soát xét</li> <li>- Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất đã soát xét</li> </ul> <p>Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán (Bao gồm văn bản giải trình trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận hoàn toàn phân đối với báo cáo tài chính nếu có)</p>		Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo và không quá 58 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo và không quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
3					
3.1	<p>Trưởng hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tài chính năm công ty mẹ đã được kiểm toán</li> <li>- Báo cáo tài chính năm hợp nhất đã được kiểm toán</li> </ul>		Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo và không quá 88 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo và không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
3.2	Trưởng hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực tiếp thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng:		Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo và không quá 88	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo và không quá 90	Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

STT	NỘI DUNG	CÁ NHÂN/PHÒNG BAN CUNG CẤP	THỜI HẠN CUNG CẤP	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tài chính năm tổng hợp đã kiểm toán</li> <li>- Báo cáo tài chính năm hợp nhất đã được kiểm toán</li> </ul> <p>Giải trình nguyên nhân (bao gồm giải trình trên báo cáo tài chính công ty mẹ / báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất) khi xảy ra một trong trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</li> <li>b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</li> <li>c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</li> </ul>		<p>ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p> <p>Cùng thời điểm cung cấp báo cáo tài chính quý/bán niên/năm</p>	<p>ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p> <p>Cùng thời điểm công bố thông tin báo cáo tài chính quý/bán niên/năm</p>	<p>Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014</p> <p>Công văn của Công ty</p>
4					
II	<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN</b>	Người phụ trách quản trị công ty và các phòng ban liên quan trong báo cáo	Trong vòng 18 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán và không quá 108 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán và không quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Thông tư 96/2020/TT-BTC
IV	<b>BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	Người phụ trách quản trị công ty và các phòng ban liên quan trong báo cáo			Thông tư 96/2020/TT-BTC QĐ 17/QĐ-HĐTV
I	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên		Trong vòng 28 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	

STT	NỘI DUNG	CÁ NHÂN/PHÒNG BAN CUNG CẤP	THỜI HẠN CUNG CẤP	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm		Trong vòng 28 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	
3	Bản cung cấp thông tin về tình hình quản trị công ty bán niên và năm gửi SGDCKHN		Hoàn thành cùng thời điểm lập báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên và năm	Giới cùng thời điểm công bố thông tin báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên và năm	
VI	<b>BÁO CÁO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ PHIẾU QUỸ CÔNG TY</b>	Người phụ trách quản trị công ty			QĐ 17/QĐ-HĐTV
1	Báo cáo quý I năm dương lịch		Chậm nhất vào ngày 08/03 hàng năm	Chậm nhất là ngày 10/3 hàng năm	Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28/02
2	Báo cáo quý II năm dương lịch		Chậm nhất vào ngày 08/06 hàng năm	Chậm nhất là ngày 10/6 hàng năm	Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/5
3	Báo cáo quý III năm dương lịch		Chậm nhất vào ngày 08/09 hàng năm	Chậm nhất là ngày 10/9 hàng năm	Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/8
4	Báo cáo quý IV năm dương lịch		Chậm nhất vào ngày 08/12 hàng năm	Chậm nhất là ngày 10/12 hàng năm	Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11



STT	NỘI DUNG	CÁ NHÂN/PHÒNG BAN CUNG CẤP	THỜI HẠN CUNG CẤP	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
V	<b>ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	Người phụ trách quản trị công ty và các phòng ban liên quan			
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội: - Nghị quyết HĐQT thông qua ngày chốt quyền tham dự ĐHĐCĐ - Thông báo chốt quyền tham dự ĐHĐCĐ gửi VSD - Công văn CBTT về lập DSCĐ tham dự ĐHĐCĐ		Tối thiểu 19 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng Nghị quyết HĐQT mặc định công bố thông tin trong vòng 24h kể từ thời điểm ký	NQ HĐQT của Công ty QĐ 109/QĐ-VSD ngày 20/08/2021 Công văn CBTT
2	Tài liệu họp ĐHĐCĐ		Chậm nhất 20 ngày trước ngày dự kiến khai mạc họp ĐHĐCĐ	Chậm nhất 21 ngày trước ngày dự kiến khai mạc họp ĐHĐCĐ	Tài liệu của Công ty
3	Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội		Trong vòng 20h kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Trong vòng 24h kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ của Công ty
VI	<b>LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẢNG VẤN BÀN</b>	Người phụ trách quản trị công ty và các phòng ban liên quan			
1	Công bố thông tin về việc lập DSCĐ có quyền tham dự Đại hội: - Nghị quyết HĐQT thông qua ngày chốt quyền tham dự ĐHĐCĐ - Thông báo chốt quyền tham dự ĐHĐCĐ gửi VSD - Công văn CBTT về lập DSCĐ tham dự ĐHĐCĐ		Tối thiểu 19 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng Nghị quyết HĐQT mặc định công bố thông tin trong vòng 24h kể từ thời điểm ký	NQ HĐQT của Công ty QĐ 109/QĐ-VSD ngày 20/08/2021 Công văn CBTT
2	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết		Chậm nhất 08 ngày trước thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến	Tài liệu của Công ty
3	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ		Trong vòng 20h kể từ khi thông qua Nghị quyết và	Trong vòng 24h kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên	Nghị quyết ĐHĐCĐ và Biên bản kiểm phiếu của Công ty

STT	NỘI DUNG	CÁ NHÂN/PHÒNG BAN CUNG CẤP	THỜI HẠN CUNG CẤP	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
VII	<p><b>NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU (KHÔNG BAO GỒM QUYỀN THAM DỰ ĐHĐCĐ)</b></p> <p>Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông thực hiện quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT thông qua ngày chốt quyền</li> <li>- Thông báo chốt quyền gửi VSD</li> <li>- Công văn CBTT về lập DSCĐ thực hiện quyền</li> </ul>	Người phụ trách quản trị công ty và các phòng ban liên quan	Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	
			Chậm nhất 09 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến Nghị quyết HĐQT mặc định công bố thông tin trong vòng 24h kể từ thời điểm ký	NQ HĐQT của Công ty QD 109/QĐ-VSD ngày 20/08/2021 Công văn CBTT

Lưu ý:

Nếu ngày cung cấp thông tin của các phòng ban trùng với ngày nghỉ, ngày lễ thì thời hạn cung cấp là ngày liền trước ngày nghỉ, ngày lễ. 

**PHỤ LỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

STT	NỘI DUNG	CÁ NHÂN/PHÒNG BAN CUNG CẤP	THỜI HẠN CUNG CẤP	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	Kế toán trưởng	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Công văn CBTT của Công ty kèm văn bản phát sinh sự kiện
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trưởng Ban vận hành	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Công văn CBTT kèm văn bản phát sinh sự kiện QĐ 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021
3	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT
4	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT
5	Ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT
6	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT
7	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT QĐ 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021

STT	NỘI DUNG	CÁ NHÂN/PHÒNG BAN CUNG CẤP	THỜI HẠN CUNG CẤP	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
8	Quyết định thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT
9	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT
10	Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT
11	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật);	Kế toán trưởng	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HDQT/QĐ TGD của Công ty Công văn CBTT
12	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Kế toán trưởng	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT
13	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT QĐ 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021
14	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ ĐHDCĐ/NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT
15	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết:	Người phụ trách quản trị công ty			NQ HDQT của Công ty Công văn CBTT QĐ 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021
	Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty		Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	

STT	NỘI DUNG	CÁ NHÂN/PHÒNG BAN CUNG CẤP	THỜI HẠN CUNG CẤP	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
	báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán				
	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ		Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	
	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin		Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	
16	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định bổ nhiệm/bãi nhiệm</li> <li>- Bản cung cấp thông tin người nội bộ</li> <li>- Thông báo thay đổi nhân sự</li> </ul>	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HĐQT của Công ty Công văn CBTT Thông tư 96/2020/TT-BTC QĐ 21/QĐ-SGD/VN ngày 21/12/2021
17	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (nếu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).	Trưởng Ban vận hành	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Công văn CBTT kèm đơn từ chức của người nội bộ
18	Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan. Công ty thực hiện báo cáo SGDKHN theo mẫu quy định	Người nội bộ	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Công văn CBTT kèm văn bản liên quan QĐ 21/QĐ-SGD/VN ngày 21/12/2021
19	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ DHD/CĐ/NQ HQĐT của Công ty Công văn CBTT

STT	NỘI DUNG	CÁ NHÂN/PHÒNG BAN CUNG CẤP	THỜI HẠN CUNG CẤP	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
	nhất được soát xét. Khi Công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất				
20	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Trưởng Ban vận hành	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Công văn CBTT kèm văn bản liên quan
21	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Trưởng Ban vận hành	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Công văn CBTT kèm văn bản liên quan
22	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trưởng Ban vận hành	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Công văn CBTT kèm văn bản liên quan
23	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Công văn CBTT kèm văn bản liên quan
24	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Công văn CBTT kèm văn bản liên quan
25	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Trưởng Ban vận hành	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Công văn CBTT kèm văn bản liên quan
26	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ ĐHĐCĐ NQ HĐQT của Công ty Công văn CBTT
27	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Công ty là công ty mẹ)	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HĐQT của Công ty Công văn CBTT

STT	NỘI DUNG	CÁ NHÂN/PHÒNG BAN CUNG CẤP	THỜI HẠN CUNG CẤP	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
28	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Người phụ trách quản trị công ty	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	NQ HĐQT của Công ty Công văn CBTT

**Lưu ý:**

*Nếu ngày cung cấp thông tin của các phòng ban trùng với ngày nghỉ, ngày lễ thì thời hạn cung cấp là ngày liền trước ngày nghỉ, ngày lễ. X*

**PHỤ LỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

STT	NỘI DUNG	ĐỐI TƯỢNG CUNG CẤP	CƠ QUAN TIẾP NHẬN	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>CÓ ĐỒNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÔNG TY</b>				
1	Tổ chức, cá nhân báo cáo về việc trở thành cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	Tổ chức/Cá nhân	UBCKNN SGDCKHN CÔNG TY	Trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm trở thành cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	Thông tư 96/2020/TT-BTC
2	Tổ chức, cá nhân báo cáo về việc không còn cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	Tổ chức/Cá nhân	UBCKNN SGDCKHN CÔNG TY	Trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm không còn cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	Thông tư 96/2020/TT-BTC
3	Tổ chức, cá nhân báo cáo về việc thay đổi số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% (áp dụng với các cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty)	Tổ chức/Cá nhân	UBCKNN SGDCKHN CÔNG TY		Thông tư 96/2020/TT-BTC
4	Công ty công bố thông tin về các trường hợp 1,2,3 trên	Tổ chức/Cá nhân	CÔNG TY	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại mục 1.2.3	Công văn CBTT kèm văn bản liên quan
	<b>Lưu ý:</b>				
	- Thời gian xác định cho các trường hợp 1.2.3 trên tính từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC				



STT	NỘI DUNG	ĐỐI TƯỢNG CUNG CẤP	CƠ QUAN TIẾP NHẬN	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
	- Quy định tại 1,2,3 không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch làm thay đổi tỉ lệ nắm giữ cổ phiếu như: Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình; Công ty phát hành thêm cổ phiếu.				
<b>II</b>	<b>GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ</b>				
I	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ báo cáo trước khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCCKHN (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)	Tổ chức/Cá nhân	UBCKNN SGDCCKHN CÔNG TY	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch 03 ngày làm việc	Thông tư 96/2020/TT-BTC
2	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ báo cáo quy định tại mục 1 nêu trên, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	Tổ chức/Cá nhân	UBCKNN SGDCCKHN CÔNG TY	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Thông tư 96/2020/TT-BTC
3	Công ty công bố thông tin về các trường hợp 1,2, nêu trên	Tổ chức/Cá nhân	CÔNG TY	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại mục 1,2	Công văn CBTT kèm văn bản liên quan

STT	NỘI DUNG	ĐỐI TƯỢNG CUNG CẤP	CƠ QUAN TIẾP NHẬN	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
	<p><u>Lưu ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn thực hiện giao dịch tại mục I không được quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Các đối tượng tại mục I chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền kề sau ngày có thông tin công bố từ SGDCKHN.</li> <li>- Quy định tại mục I không bao gồm giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, giao dịch chào mua công khai.</li> <li>- Các đối tượng tại mục I không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi.</li> <li>- Nếu người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện báo cáo theo nghĩa vụ tại mục II đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo theo nghĩa vụ tại mục I này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ của mục II.</li> <li>- Nếu người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện báo cáo theo nghĩa vụ I nhưng không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo theo nghĩa vụ tại mục II này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ của mục I.</li> <li>- Nếu sau giao dịch, các đối tượng của mục II này không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ thì các đối tượng của mục II này vẫn phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo nghĩa vụ tại mục I.</li> </ul>				

**PHỤ LỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI CÓ PHIẾU CỦA CÔNG TY**

STT	NỘI DUNG	ĐỐI TƯỢNG CUNG CẤP	CƠ QUAN TIẾP NHẬN	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
1	<p>Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của tổ chức/cá nhân trên website Công ty, SGDCCKHN</p>	<p>Tổ chức/Cá nhân</p>	<p>CÔNG TY SGDCCKHN</p>	<p>Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai</p>	<p>Công văn CBTT và văn bản liên quan</p>
2	<p>HDQT Công ty công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư trên website của Công ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của tổ chức/cá nhân đồng thời báo cáo với UBCKNN</p> <p>Đánh giá khuyến nghị của HDQT Công ty đối với việc chào mua công khai có phiếu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp có một hoặc một số thành viên HDQT có ý kiến khác, HDQT phải công bố kèm theo các ý kiến này.</p>	<p>Công ty</p>	<p>UBCKNN</p>	<p>Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai</p>	<p>Công văn CBTT và văn bản liên quan</p>



